

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH KIÊN GIANG  
Bản án số: **65/2024/DS-ST**  
Ngày **30-12-2024**  
Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Phạm Văn Động**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2024/TLST- DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-DS ngày 05/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST-DS ngày 24/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị T** - sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị P** - sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 03, tổ 06, ấp B , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh **Đỗ Văn C** - sinh năm 1968 (chồng chị Phúc)

Địa chỉ: số nhà 03, tổ 06, ấp B , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.2 Anh **Lê Văn C** - sinh năm 1981 (chồng chị T ) (có mặt)

Địa chỉ: ấp C , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:**

Vào ngày 13/12/2022 âm lịch, ngày 04/01/2023 dương lịch, chị Trần Thị P có hỏi vay chị Dương Thị T số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), với lãi suất 5%/tháng, mục đích vay tiền để mua bán lo cho gia đình, từ khi vay cho đến nay chị P không trả vốn và lãi cho chị T. Khi vay hai bên có làm biên nhận nợ, nội dung chị T viết, sau đó chị P có đọc lại rồi chị P ký tên và ghi họ tên.

**Tại phiên tòa chị T yêu cầu:** Chị Dương Thị T yêu cầu Tòa án xử buộc vợ chồng chị Trần Thị P và anh Đỗ Văn C phải trả cho chị T số tiền vay gốc là 90.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 04/01/2023 dương lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn 23 tháng.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C trình bày:**

Anh C là chồng của chị Dương Thị Thẩm. Việc chị T cho chị P vay 90.000.000 đồng vào ngày 13/12/2022 âm lịch, ngày 04/01/2023 dương lịch mức lãi suất cũng như thời gian trả nợ anh C không biết, khoảng tháng 8 năm 2024 chị T có kêu anh C đến gặp anh Đỗ Văn C để nói việc chị P là vợ anh Đỗ Văn C nợ chị T 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), anh Đỗ Văn C cho rằng không biết số nợ trên. Sau đó chị P mang số tiền đến trả và nói trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền lãi, nhưng chị T trả lời không nhận, vì chị P nợ gốc đến 90.000.000 đồng, khi nào trả đủ 90.000.000 đồng và tiền lãi thì chị T mới nhận.

**Tại phiên tòa anh C yêu cầu:** Anh C yêu cầu chị P và anh Đỗ Văn C trả cho cá nhân chị T số tiền gốc số tiền 90.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 04/01/2023 dương lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn 23 tháng.

**\* Bị đơn chị Trần Thị P trình bày:** Chị P xác nhận biên nhận nợ ngày 13/12/2022 chị P vay tiền của chị T 90.000.000 đồng, nhưng thực tế số tiền gốc là 30.000.000 đồng, trong đó 60.000.000 đồng là tiền lãi. Nội dung biên nhận nợ do chị T viết, chị P có ký tên và ghi họ tên.

Chị P cho rằng trước đó, tháng 11 năm 2018 chị P có vay của chị T 30 triệu, nhưng không làm biên nhận, tiền lãi 1.500.000 đồng/tháng, chị P đóng lãi cho chị T 3 tháng 4.500.000 đồng, chị P đã đóng được 3 lần là 13.500.000 đồng, sau đó đóng thêm 20.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 33.500.000 đồng. Chị P xác nhận mục đích vay tiền là buôn bán lo cho gia đình, việc vay tiền trên anh C chồng chị P không

biết.

Việc đóng lãi với số tiền 33.500.000 đồng chị P trình bày chứ không có chứng cứ gì để chứng minh, do tin tưởng nhau.

Việc chị P trình bày về số nợ 90.000.000 đồng, trong đó có 30.000.000 đồng là tiền vay gốc, 60.000.000 đồng tiền lãi, nhưng chị P cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Sự việc này chỉ có chị P và chị T biết, ngoài ra không ai biết.

**Tại phiên tòa chị P yêu cầu:** Chị P đồng ý cùng anh C trả nợ cho chị T với số tiền gốc 30.000.000 đồng, mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, số tiền 60.000.000 đồng trong số tiền 90.000.000 đồng là tiền lãi, chị P không đồng ý trả.

**\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn C trình bày:**

Anh C là chồng chị Trần Thị P, còn chị Dương Thị T là bà con xa, anh C xác nhận chị P có vay của chị T số tiền 30 triệu đồng vào năm 2018, lúc đó hai bên không có làm biên nhận nợ. Trong thời gian vay cho đến nay anh C có nghe chị P nói lại có đóng lãi cho chị T nhiều lần 13.500.000 đồng, đến ngày 13/12/2022 hai bên làm biên nhận nợ ghi là chị P nợ chị T 90.000.000 đồng, trong đó có 30.000.000 đồng là nợ cũ, còn lại 60.000.000 đồng là tiền lãi.

Có lần chồng chị T đến nhà anh C để đòi tiền 90.000.000 đồng, anh C hỏi chị P tiền vay để làm gì thì chị P nói vay mua bán gạo do lỗ, nhưng chị P nói chỉ vay 30.000.000 đồng. Sau đó anh C có đưa cho chị P 50 triệu đồng để trả nợ cho chị T, trong đó 30 triệu đồng là tiền gốc, còn 20.000.000 đồng là tiền lãi, nhưng chị T không chịu nhận mà yêu cầu chị P phải trả đủ 90.000.000 đồng chị T mới nhận. Anh C không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày trên, vì sự việc chỉ có anh C, chị P và vợ chồng chị T biết, ngoài ra không có ai biết việc này.

***Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị P và ông C trình bày cho rằng trong số tiền 90.000.000 đồng thì chỉ có 30.000.000 đồng là tiền gốc, còn lại 60.000.000 đồng là tiền lãi, nhưng chị T trình bày số nợ 90.000.000 đồng là tiền gốc. Chị P và ông C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Do đó, lời trình bày của chị P và ông C là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị P, anh C cho rằng đã trả lãi cho chị T nhiều lần tổng

cộng 33.500.000 đồng, nhưng chị T không thừa nhận. Chị P, anh C cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày trên, do đó, lời trình của chị P, anh C không có cơ sở để xem xét.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị P, anh C phải trả cho chị T số tiền vay vốn gốc 90.000.000 đồng; đối với phần lãi hai bên thoả thuận 5%/tháng là cao so với quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự lãi suất không vượt quá 20%/năm, thời gian từ ngày 04/01/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn 23 tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị P có địa chỉ tại huyện T, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy báo phiên tòa hợp lệ, anh Đỗ Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Đỗ Văn C.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy nguyên đơn chị Dương Thị T khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị P và anh Đỗ Văn C phải thanh toán số tiền vay gốc là 90.000.000 đồng, đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị T yêu cầu Tòa án xử buộc vợ chồng bị đơn chị Trần Thị P và anh Đỗ Văn C phải trả số tiền vay gốc là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) là có căn cứ. Bởi lẽ: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị P và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn C thừa nhận, biên nhận nợ ngày 13/12/2022 có nội dung: Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tôi có hỏi em Dương Thị T số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) với lãi suất 5%/tháng (là triệu 1 tháng 50.000 đồng) nội dung thì do chị T viết, chị P có ký tên và ghi họ tên. (Bút lục 01)

Ngoài ra chị Phúc, anh C cho rằng trước đó, tháng 11 năm 2018 chị P có vay của chị T 30 triệu, nhưng không làm biên nhận, tiền lãi 1.500.000 đồng/tháng, chị P đóng lãi cho chị T 3 tháng là 4.500.000 đồng, chị P đã đóng được 3 lần bằng 13.500.000 đồng, sau đó đóng thêm 20.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 33.500.000 đồng, nhưng chị T không thừa nhận; chị P, anh C cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Chị P và ông C khai nại trong số tiền 90.000.000 đồng thì chỉ có 30.000.000 đồng là tiền gốc, còn lại 60.000.000 đồng là tiền lãi, nhưng chị T trình bày số nợ 90.000.000 đồng là tiền gốc. Chị P, ông C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Do đó, lời trình bày của chị P và anh C là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, chị Trần Thị P đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Trần Thị P và anh Đỗ Văn C thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Xét thấy các bên thoả thuận 5%/tháng là cao so với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự về mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm = 1,66%/tháng. Số tiền gốc 90.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 04/01/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/12/2024 làm tròn 23 tháng, được tính như sau:  $90.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 23 \text{ tháng} = 34.362.000\text{đ}$  (Ba mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 124.362.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Đối với yêu cầu của chị Trần Thị P về việc xin được trả dần, mỗi tháng trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu trả dần của chị P nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị P, anh Đỗ Văn C phải chịu án phí trên số tiền trả cho chị T là 124.362.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng), được tính như sau:  $124.362.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.218.000 \text{ đồng}$  (Sáu triệu hai trăm mười tám nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho chị Dương Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003789 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang, do yêu cầu khởi kiện của chị T được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn chị Trần Thị P, anh Đỗ Văn C.

**2.** Buộc chị Trần Thị P và anh Đỗ Văn C phải trả cho chị Dương Thị T số tiền vay vốn gốc và lãi là: 124.362.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 90.000.000 đồng, tiền lãi 34.362.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc chị Trần Thị P và anh Đỗ Văn C phải nộp án phí có giá ngạch là 6.218.000 đồng (Sáu triệu hai trăm mười tám nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho chị Dương Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003789 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

**4.** Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chiến**